



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Tầng 4 - 168 Đường Láng, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84-4 3577 0781 / Fax: +84-4 3577 0787
www.vaco.com.vn / vacohn@vaco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 18

S.Đ.K.K.

Số: 156 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình (gọi tắt là "Công ty") tại ngày 30/06/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 được lập ngày 25/08/2011 từ trang 03 đến trang 18 kèm theo. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 01, việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Minh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0294/KTV

Trịnh Thị Hồng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0026/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		86.858.189.465	68.757.215.843
I-	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		130.478.888	53.462.993.204
1.	Tiền	111	4	130.478.888	53.462.993.204
III-	Các khoản phải thu	130		38.228.269.723	8.082.255.368
1.	Phải thu của khách hàng	131		10.693.639.913	7.501.950.875
2.	Trả trước cho người bán	132		11.445.440.876	1.184.331.014
3.	Các khoản phải thu khác	135	5	16.711.251.826	18.036.371
4.	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(622.062.892)	(622.062.892)
IV-	Hàng tồn kho	140	6	7.376.264.252	6.582.610.340
1.	Hàng tồn kho	141		7.376.264.252	6.582.610.340
V-	Tài sản ngắn hạn khác	150		41.123.176.602	629.356.931
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		201.195.344	201.195.344
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		168.458.560	-
3.	Tài sản ngắn hạn khác	158	7	40.753.522.698	428.161.587
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250)	200		22.088.177.713	12.891.179.179
I-	Tài sản cố định	220		16.200.927.713	11.128.929.179
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	8	12.279.740.815	10.842.060.012
-	Nguyên giá	222		14.825.546.228	12.825.646.158
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.545.805.413)	(1.983.586.146)
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	3.921.186.898	286.869.167
III-	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	5.887.250.000	1.762.250.000
1.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		887.250.000	1.762.250.000
2.	Đầu tư dài hạn khác	258		5.000.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		270		108.946.367.178	81.648.395.022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MÁU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
A-	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		8.723.992.994	13.754.991.530
I-	Nợ ngắn hạn	310		8.081.013.986	13.112.012.522
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	11	103.840.450	199.602.752
2.	Phải trả cho người bán	312		2.308.114.600	7.774.263.064
3.	Người mua trả tiền trước	313		1.422.675.000	30.534.000
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	3.619.884.425	3.034.958.597
5.	Phải trả người lao động	315		215.435.670	244.864.649
6.	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	13	146.361.135	1.522.986.754
7.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		264.702.706	304.802.706
II-	Nợ dài hạn	330		642.979.008	642.979.008
1.	Vay và nợ dài hạn	334	14	642.979.008	642.979.008
		338			
B-	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		100.222.374.184	67.893.403.492
I-	Vốn chủ sở hữu	410	15	100.222.374.184	67.893.403.492
1.	Vốn điều lệ	411		62.700.000.000	36.665.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		28.059.106.364	23.955.000.000
3.	Quỹ đầu tư phát triển	417		1.150.231.189	1.150.231.189
4.	Quỹ dự phòng tài chính	418		441.618.901	441.618.901
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.871.417.730	5.681.553.402
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		440		108.946.367.178	81.648.395.022



Đỗ Phan Thăng
Phó Tổng Giám đốc
Hòa Bình, ngày 25 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Thị Tuyết
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

MẪU SỐ B 02 - DN
Đơn vị: VND

NỘI DUNG	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	13.793.582.752	9.667.156.588
2. Các khoản giảm trừ	02		136.363.600	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		13.657.219.152	9.667.156.588
4. Giá vốn hàng bán	11	17	8.513.393.743	5.407.474.531
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		5.143.825.409	4.259.682.057
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	35.693.202	965.400
7. Chi phí tài chính	22	19	77.044.062	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		73.374.799	-
8. Chi phí bán hàng	24		900.526.984	456.870.432
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		864.797.376	679.089.169
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		3.337.150.189	3.124.687.856
11. Thu nhập khác	31		89.100.000	129.625.000
12. Chi phí khác	32		417.797.823	18.066.599
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(328.697.823)	111.558.401
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.008.452.366	3.236.246.257
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	818.588.038	809.061.564
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		2.189.864.328	2.427.184.693
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	363	1.911



Đỗ Phan Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Hòa Bình, ngày 25 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Thị Tuyết
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

MẪU SỐ B 03 - DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	13.249.061.943	8.802.354.152
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(26.359.160.225)	(3.903.277.811)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(1.319.122.028)	(752.329.983)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(73.374.799)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(716.903.053)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	6.024.864.452	129.134.315
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(23.998.893.395)	(1.984.907.723)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(33.193.527.105)	2.290.972.950
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(45.734.296.111)	-
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.125.000.000)	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	(1.462.250.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	35.693.202	965.400
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	(49.823.602.909)	(1.461.284.600)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	31.232.000.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	450.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(95.762.302)	(1.070.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.451.622.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	29.684.615.698	(620.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(53.332.514.316)	209.688.350
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	53.462.993.204	122.557.371
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	130.478.888	332.245.721



Nguyen Thi Tuyet

Đỗ Phan Thăng
Phó Tổng Giám đốc
Hòa Bình, ngày 25 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Thị Tuyết
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình (tiền thân là Công ty Cung ứng vật tư Khoáng sản Hòa Bình) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 25.03.000021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp ngày 23/12/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 22/02/2011.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (thay đổi lần thứ 10) là 62,7 tỷ đồng và đến ngày 30/06/2011 đã được các cổ đông góp đủ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2011 là 17 người (tại ngày 31/12/2010 là 19 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động dịch vụ khai thác mỏ và quặng khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phụ kim loại khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất gạch, vôi, đá sê, cốt tạo dáng, hoàn thiện đá sê; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng; Vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Phá dỡ;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm: quặng kim loại màu (trừ quặng uranium và quặng thorium);
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn, bán lẻ than đá, nhiên liệu rắn, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Làm đại lý, môi giới, đấu giá.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Riêng kỳ kế toán này được trình bày cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc, phương tiện vận tải và thiết bị quản lý được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng ước tính.

Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> <u>(Số năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15-20
Máy móc thiết bị	3-15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6-20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp hàng hóa dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận khi quyền sở hữu chứng khoán được chuyển cho người mua và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu từ các khoản thu lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận lãi.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Tại ngày 30/06/2011, Công ty không có tài sản cũng như công nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận do không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị tài sản và công nợ ghi sổ được trình bày trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập có thể được sử dụng trong tương lai.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về các loại thuế sẽ tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Tiền mặt tại quỹ	60.365.072	45.361.423.174
- Tiền gửi ngân hàng	70.113.816	8.101.570.030
	130.478.888	53.462.993.204

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Cho cá nhân vay (*)	5.107.200.000	18.036.371
- Cho cá nhân vay (**)	11.586.015.455	-
- Phải thu khác	18.036.371	-
	16.711.251.826	18.036.371

Ghi chú:

(*) Đây là khoản cho các cá nhân là cổ đông của Công ty vay; Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%; Tài sản thế chấp chính là cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình mà cá nhân nắm giữ; Phương thức cho vay là chuyển khoản vào tài khoản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt và hoàn trả 01 lần.

(**) Đây là khoản cho các cá nhân là cổ đông của Công ty vay; Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%; Tài sản thế chấp chính là cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình mà cá nhân nắm giữ; Phương thức cho vay là chuyển khoản vào tài khoản chứng khoán của ông Đoàn Quốc Tuấn mở tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông và hoàn trả 01 lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	4.211.394.362	4.911.777.475
- Công cụ, dụng cụ trong kho	23.956.191	171.216.182
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	94.159.249	94.159.249
- Thành phẩm	2.228.983.530	678.555.314
- Hàng hoá tồn kho	817.770.920	726.902.120
	7.376.264.252	6.582.610.340

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Tạm ứng hoạt động kinh doanh	328.161.587	428.161.587
- Tạm ứng Mô Tân Minh (*)	2.000.000.000	-
- Tạm ứng Mô Tân Lạc (*)	1.000.000.000	-
- Tạm ứng Mô Tiên Sơn (*)	5.000.000.000	-
- Tạm ứng dự án nhà máy chế biến đá Quartz (**)	8.875.000.000	-
- Tạm ứng dự án nhà máy chế biến khoáng sản Mông Hóa, Kỳ Sơn (***)	23.550.361.111	-
	40.753.522.698	428.161.587

Ghi chú:

(*) Tạm ứng liên quan đến dự án đầu tư mở rộng mỏ, tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 18 tỷ đồng.

(**) Tạm ứng liên quan đến dự án đầu tư nhà máy chế biến đá Quartz Thành Lập, tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 14,6 tỷ đồng.

(**) Tạm ứng liên quan đến dự án đầu tư nhà máy chế biến khoáng sản tại Mông Hóa, Kỳ Sơn, tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 43 tỷ đồng.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P.tiện vận tải, t.bị truyền dẫn VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ				
Số dư tại 31/12/2010	4.144.454.491	5.656.181.476	3.025.010.191	12.825.646.158
Tăng trong kỳ	232.000.070	1.767.900.000	-	1.999.900.070
- Mua sắm mới	232.000.070	1.767.900.000	-	1.999.900.070
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2011	4.376.454.561	7.424.081.476	3.025.010.191	14.825.546.228
HAO MÒN LUYỆN KẾ				
Số dư tại 31/12/2010	784.808.991	612.128.538	586.648.617	1.983.586.146
Tăng trong năm	93.153.576	332.658.333	136.407.358	562.219.267
- Trích khấu hao trong kỳ	93.153.576	332.658.333	136.407.358	562.219.267
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2011	877.962.567	944.786.871	723.055.975	2.545.805.413
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại 31/12/2010	3.359.645.500	5.044.052.938	2.438.361.574	10.842.060.012
Số dư tại 30/06/2011	3.498.491.994	6.479.294.605	2.301.954.216	12.279.740.815

Trong đó nguyên giá tài sản cố định là ô tô mang đi thế chấp cho các khoản vay là 1.345.212.728 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	299.347.448	286.727.438
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	141.729	141.729
- Sửa chữa băng tải	58.938.630	-
- XDCB Nhà kho, trạm biến áp	3.562.759.091	-
	3.921.186.898	286.869.167

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2011		31/12/2010	
	VND	Tỷ lệ sở hữu	VND	Tỷ lệ sở hữu
- Công ty cổ phần khai thác khoáng sản Sầm Sơn	887.250.000	25,00%	887.250.000	25,00%
- Công ty cổ phần đá Split	5.000.000.000	16,61%	875.000.000	25,00%
	5.887.250.000		1.762.250.000	

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả		
- Ngân hàng TNHH MTV ANZ	57.590.446	107.102.744
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC	46.250.004	92.500.008
	103.840.450	199.602.752

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	349.600.237	136.008.839
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.120.786.111	2.844.517.251
- Thuế TNCN	96.775.570	-
- Thuế môn bài	1.000.000	1.000.000
- Thuế tài nguyên	44.200.459	45.370.459
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	7.522.048	8.062.048
	3.619.884.425	3.034.958.597

13. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Bảo hiểm y tế	26.169.663	18.134.661
- Bảo hiểm xã hội	18.995.898	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	6.302.259	2.888.432
- Phải trả phải nộp khác	94.893.315	1.501.963.661
	146.361.135	1.522.986.754

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Ngân hàng TNHH MTV ANZ (*)	373.187.350	373.187.350
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC (**)	269.791.658	269.791.658
	<u>642.979.008</u>	<u>642.979.008</u>

Ghi chú:

(*) Hợp đồng vay dài hạn Ngân hàng TNHH MTV ANZ số AF02540514 ngày 05/07/2010; Hạn mức tín dụng là 520.000.000 VND; thời hạn vay 48 tháng, lãi suất điều chỉnh 6 tháng 1 lần; Mục đích vay là mua xe ô tô, tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay là xe Fortuner trị giá 786.195.455 đồng.

(**) Hợp đồng vay dài hạn Ngân hàng TNHH MTV HSBC số VHNPF100341CAR ngày 26/10/2010; Hạn mức tín dụng là 370.000.000 VND; thời hạn vay 48 tháng; Lãi suất thả nổi; Mục đích vay là mua xe ô tô, tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay là xe ô tô KIA NEW CARENTS trị giá 559.017.273 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư ngày 31/12/2009	12.700.000.000	-	413.685.685	73.346.149	1.313.189.372	14.500.221.206
<i>Tăng trong năm trước</i>	<i>23.965.000.000</i>	<i>23.965.000.000</i>	<i>736.545.504</i>	<i>368.272.752</i>	<i>4.368.364.030</i>	<i>53.403.182.286</i>
Phát hành cổ phiếu	23.965.000.000	23.965.000.000	-	-	-	47.930.000.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	736.545.504	368.272.752	(2.997.091.008)	(1.892.272.752)
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	7.365.455.038	7.365.455.038
<i>Giảm trong năm trước</i>	<i>-</i>	<i>10.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>10.000.000</i>
Giảm khác	-	10.000.000	-	-	-	10.000.000
Số dư ngày 31/12/2010	36.665.000.000	23.955.000.000	1.150.231.189	441.618.901	5.681.553.402	67.893.403.492
<i>Tăng trong kỳ này</i>	<i>26.035.000.000</i>	<i>5.207.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>2.189.864.328</i>	<i>33.431.864.328</i>
Phát hành cổ phiếu (*)	26.035.000.000	5.207.000.000	-	-	-	31.242.000.000
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	2.189.864.328	2.189.864.328
<i>Giảm trong kỳ này</i>	<i>-</i>	<i>1.102.893.636</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.102.893.636</i>
Chi phát hành cổ phiếu	-	1.102.893.636	-	-	-	1.102.893.636
Số dư ngày 30/06/2011	<u>62.700.000.000</u>	<u>28.059.106.364</u>	<u>1.150.231.189</u>	<u>441.618.901</u>	<u>7.871.417.730</u>	<u>100.222.374.184</u>

Ghi chú: (*) Từ ngày 11/01/2011 đến ngày 17/01/2011, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cổ đông là cán bộ công nhân viên của Công ty như sau:

- Phát hành cho cổ đông hiện hữu của Công ty: Thực hiện việc phát hành 2.540.000 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:2 (sở hữu 01 cổ phần sẽ được quyền mua 02 cổ phần) với mệnh giá 12.000VND/cổ phần.

- Phát hành cho cán bộ nhân viên của Công ty: Thực hiện việc phát hành 63.500 cổ phiếu cho các cán bộ nhân viên với mệnh giá 12.000VND/cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp)

Vốn điều lệ

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10, vốn điều lệ của Công ty là 62,7 tỷ đồng. Tại ngày 30/06/2011, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ theo		Vốn điều lệ đã góp	
	Giấy đăng ký kinh doanh		tại ngày 30/06/2011	
	VND	(%)	VND	(%)
- Đoàn Quốc Tuấn	10.006.000.000	15,96%	10.006.000.000	15,96%
- Đỗ Phan Thắng	1.900.000.000	3,03%	1.900.000.000	3,03%
- Lê Xuân Điều	160.000.000	0,26%	160.000.000	0,26%
- Nhân Thị Hà	1.490.000.000	2,38%	1.490.000.000	2,38%
- Đoàn Mạnh Hùng	1.410.000.000	2,25%	1.410.000.000	2,25%
- Cổ đông khác	47.734.000.000	76,13%	47.734.000.000	76,13%
Cộng	62.700.000.000	100,0%	62.700.000.000	100,0%

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty

	30/06/2011	31/12/2010	
Cổ phiếu phổ thông			
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	6.270.000	3.666.500	cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	6.270.000	3.666.500	cổ phiếu
+ Mệnh giá của cổ phiếu	10.000	10.000	đồng/cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	6.270.000	3.666.500	cổ phiếu

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.793.582.752	9.667.156.588
	13.793.582.752	9.667.156.588

17. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
- Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.513.393.743	5.407.474.531
	8.513.393.743	5.407.474.531

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
- Lãi tiền gửi, lãi cho vay	34.974.070	965.400
- Chênh lệch tỷ giá	719.132	-
	35.693.202	965.400

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
- Chi phí lãi vay	73.374.799	-
- Lỗ tỷ giá hối đoái và bán ngoại tệ	3.669.263	-
	77.044.062	-

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.008.452.366	3.236.246.257
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	265.899.784	-
Nộp bổ sung thuế TNDN 2010	174.583.875	-
Chi phí khấu hao trong giai đoạn dừng sản xuất	17.941.110	-
Chi phí lãi vay	73.374.799	-
Thu nhập chịu thuế	3.274.352.150	3.236.246.257
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	818.588.038	809.061.564
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	818.588.038	809.061.564

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
- Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (1)	2.189.864.328	2.427.184.693
- Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu (2)	6.027.991	1.270.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (3) = (1) / (2)	363	1.911
- Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thông tin về các bên liên quan

Ông Đoàn Quốc Tuấn là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình, đồng thời kiêm chức vụ Phó Giám đốc tại Công ty Cổ phần Thiết bị và Xây lắp Công nghiệp trong năm 2010 (nắm giữ 47,37% vốn điều lệ). Công ty Cổ phần Thiết bị và Xây lắp Công nghiệp có trụ sở tại số 87 phố Hoàng Ngân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Ông Đoàn Quốc Tuấn còn là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình tại Công ty Cổ phần Đá Split có trụ sở tại xóm Tam Quy 3, xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa và là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Sầm Sơn có trụ sở tại tiểu khu 4, Thị trấn Lương Sơn, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Trong 6 tháng đầu năm 2011, giao dịch chủ yếu của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình với các bên liên quan là mua bột thạch anh, bột talc, đá xẻ, máy móc thiết bị. Giá trị giao dịch thể hiện cụ thể như sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Thiết bị và XL CN	7.431.050.000	16.586.520.000
Công ty Cổ phần đá SPILIT	1.243.000.000	2.788.082.000
Cộng	8.674.050.000	19.374.602.000
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Thiết bị và XL CN	5 123 794 260	3.304.183.564
Công ty Cổ phần đá SPILIT	3 241 900 000	4.475.613.250
Chi nhánh Công ty CP Khai Thác Khoáng Sản Sầm Sơn	-	280.000.000
Cộng	8.365.694.260	8.059.796.814

Số dư với các bên liên quan

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải thu		
Công ty Cổ phần Thiết bị và XL CN	6.768.808.010	3.183.858.010
Công ty Cổ phần đá SPILIT	1.407.000.000	-
Cộng	8 175 808 010	3 183 858 010
Phải trả		
Công ty Cổ phần Thiết bị và XL CN	-	-
Công ty Cổ phần đá SPILIT	-	3 188 750 750
Chi nhánh Công ty CP Khai Thác Khoáng Sản Sầm Sơn	-	1 670 317 143
Cộng	-	4 859 067 893
Số ứng trước		
Công ty Cổ phần Thiết bị và XL CN	9 660 105 740	-
Công ty Cổ phần đá SPILIT	804 349 250	-
Chi nhánh Công ty CP Khai Thác Khoáng Sản Sầm Sơn	49 682 857	-
Cộng	10 514 137 847	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Thu nhập của Ban Giám đốc

- Tiền lương Ban Giám đốc

Từ 01/01/2011

đến 30/06/2011

VND

58.884.615

58.884.615

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính cùng kỳ năm trước (cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010) đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác.

